

DỰ THẢO 5

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng
và thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình; khảo sát, thu thập thông tin có liên quan đến giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình phục vụ việc công bố giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các nội dung có liên quan đến hoạt động phối hợp thực hiện khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành ở tỉnh có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) các xã, phường.

3. Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

4. Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình phải bảo đảm tính kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; việc khảo sát, cung cấp thông tin phục vụ công bố giá phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, trung thực, đúng thời hạn theo quy định; trong quá trình phối hợp xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp để quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tránh chồng chéo, trùng lặp.

2. Hoạt động phối hợp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị; không làm phát sinh thủ tục hành chính và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng quảng bá thương hiệu, giới thiệu chất lượng sản phẩm thông qua thông tin công bố giá nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh.

3. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được thống nhất, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Đối với những vấn đề chưa thống nhất ý kiến, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo và đề xuất hướng giải quyết trình UBND tỉnh.

Điều 4. Hình thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc, công tác phối hợp được áp dụng theo các hình thức sau:

1. Cử người phối hợp trực tiếp.
2. Lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Cung cấp, chia sẻ thông tin, tài liệu.
4. Các hình thức phối hợp phù hợp khác.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, SẢN XUẤT, KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp lựa chọn, lập danh mục vật liệu xây dựng và thiết bị công trình được công bố giá

1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Trên cơ sở danh mục vật liệu xây dựng và thiết bị công trình có trong hệ thống định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành và các loại vật liệu xây dựng và thiết bị công trình có trên thị trường lựa chọn, lập danh mục vật liệu xây dựng và thiết bị công trình được công bố giá trên địa bàn tỉnh.

b) Căn cứ tình hình thị trường và yêu cầu đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, thường xuyên theo dõi, kịp thời cập nhật danh mục vật liệu xây dựng và thiết bị công trình được công bố giá.

c) Đối với những loại vật liệu xây dựng và thiết bị công trình được nhiều đơn vị sản xuất hoặc có nhiều quy cách khác nhau, thì lựa chọn các loại có quy

cách, nhãn mác được sử dụng phổ biến tại địa phương để đưa vào danh mục.

d) Lấy ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thuế khu vực XIV, các cơ quan có liên quan khi cần thiết trong quá trình phối hợp kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng khi có đề nghị phối hợp của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan.

2. Trách nhiệm các sở, ban ngành ở tỉnh có liên quan đến vật liệu xây dựng và thiết bị công trình được công bố quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này; Chủ đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; các nhà thầu trúng thầu tại các dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường; các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Thường xuyên theo dõi, thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng để cập nhật danh mục vật liệu xây dựng và thiết bị công trình được công bố giá trong trường hợp có sự thay đổi về loại vật liệu xây dựng và thiết bị công trình có trong hệ thống định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc thay đổi về loại vật liệu xây dựng và thiết bị công trình trên thị trường.

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp khảo sát, cung cấp thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình

1. Sở Tài chính

a) Thông tin kịp thời về Sở Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến lĩnh vực giá để cập nhật, bổ sung theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng và cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thu thập, phân tích và xử lý thông tin giá cả thị trường trong trường hợp có biến động giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình bất thường, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh biện pháp quản lý giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình theo quy định pháp luật hiện hành về giá.

c) Tăng cường tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong kinh doanh, niêm yết giá, bán đúng giá niêm yết đối với hàng hoá, vật liệu xây dựng và thiết bị công trình, các hành vi gian lận thương mại về vật liệu xây dựng theo quy định pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở Công thương, Nông nghiệp và Môi trường

a) Rà soát danh sách những vật liệu sử dụng và thiết bị công trình đặc thù phát sinh (nếu có) trong các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành gửi Sở Xây dựng xem xét, công bố giá.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc kiểm tra, kiểm soát về hồ sơ pháp lý, trữ lượng khai thác, sản lượng chế biến, sản lượng tiêu thụ và sự tuân thủ

pháp luật về khoáng sản đối với các cơ sở khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh.

c) Cung cấp thông tin về pháp lý của các doanh nghiệp được UBND tỉnh cấp phép, xác nhận hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh về Sở Xây dựng.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên địa bàn.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và thiết bị công trình được công bố giá trên địa bàn tỉnh.

c) Cung cấp thông tin về Sở Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hiện hành để phục vụ công tác kiểm tra hồ sơ chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và thiết bị công trình của tổ chức, cá nhân khi Sở Xây dựng có yêu cầu.

4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

Phối hợp cung cấp thông tin các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh để Sở Xây dựng xem xét, công bố giá.

5. UBND các xã, phường

a) Tổ chức rà soát, thu thập thông tin, đề nghị các cơ sở sản xuất, kinh doanh khai thác vật liệu xây dựng trên địa bàn cung cấp thông tin về giá vật liệu đề nghị công bố, đảm bảo đầy đủ, phong phú nguồn cung cấp vật liệu cho các công trình xây dựng trên địa bàn, tiết kiệm chi phí.

b) Khi cung cấp tình hình giá, lưu ý xác định rõ tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh, tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, nhằm đảm bảo quy định trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc công bố giá, đồng thời có cơ sở cung cấp thông tin cho các đơn vị có ý kiến về công bố giá (nếu có).

c) Thông tin kịp thời về Sở Xây dựng, Sở Tài chính tình hình biến động giá vật liệu xây dựng (nếu có).

d) Báo cáo tình hình giá thị trường cho Sở Xây dựng đối với các loại vật liệu xây dựng và thiết bị công trình phổ biến và chủ yếu trên địa bàn theo biểu mẫu số 01 của Phụ lục kèm theo Quy chế này. Đồng thời, gửi 01 bản về Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp chung về giá trên địa bàn tỉnh.

6. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và thiết bị công trình

a) Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá và chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và thiết bị công trình theo quy định pháp luật khi cơ quan quản lý Nhà nước có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

b) Gửi thông tin về giá sản phẩm vật liệu xây dựng và thiết bị công trình mà mình có sản xuất, kinh doanh cho Sở Xây dựng theo mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Quy chế này (*cả văn bản giấy và tệp dữ liệu điện tử: file Microsoft Excel*) theo chế độ quy định tại Điều 8 Quy chế này; đồng thời, gửi 01 bản về Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp chung về giá trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan.

d) Tuân thủ các quy định về sản xuất, kinh doanh, hàng hoá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình theo quy định của pháp luật.

đ) Niêm yết công khai giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình tại địa điểm kinh doanh, văn phòng theo quy định tại Điều 29 Luật Giá năm 2023.

e) Báo cáo thông tin về giá sản phẩm vật liệu xây dựng cho Sở Xây dựng theo Biểu mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Quy chế này phục vụ Sở Xây dựng công bố giá theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng*), đồng thời, gửi 01 bản về Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp chung về giá trên địa bàn tỉnh.

g) Trường hợp không có sự thay đổi về giá vật liệu xây dựng thì sau 03 tháng phải gửi lại bảng giá (ký tên, đóng dấu mới) về Sở Xây dựng. Trường hợp sau 03 tháng các đơn vị không gửi lại bảng niêm yết giá, Sở Xây dựng xóa tên đơn vị khỏi danh sách công bố giá vật liệu xây dựng.

7. Các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh

a) Các chủ đầu tư, nhà thầu trúng thầu tại các dự án đầu tư cung cấp các thông tin về giá các yếu tố chi phí phục vụ Sở Xây dựng công bố giá theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Thông tư số 11/2021/TT-BXD đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2025/TT-BXD.

b) Cung cấp đầy đủ thông tin về giá và chất lượng vật liệu xây dựng trong công trình theo quy định của pháp luật khi cơ quan quản lý nhà nước có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

c) Khi sử dụng thông tin về giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, điều kiện xây dựng, yêu cầu về thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn vật liệu hợp lý tuân thủ yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và xác định giá vật liệu phù hợp với yêu cầu đặc thù của công trình, mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí và khu vực xây dựng công trình, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí theo quy định.

Điều 7. Công bố giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình theo khoản 1 Điều 1 Thông tư số 01/2025/TT-BXD để làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xác định giá xây dựng công trình.

2. Việc xác định giá vật liệu đến hiện trường công trình (*đối với giá vật liệu xây dựng được công bố tại nơi sản xuất, nguồn cung cấp, tại khu vực chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến hiện trường*) được xác định theo phương pháp hướng dẫn tại mục 1.2.1.2 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD.

3. Đối với các loại vật liệu và thiết bị công trình chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD (*đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng*). Việc lựa chọn giá vật liệu xây dựng phải khách quan, minh bạch, đảm bảo hiệu quả của dự án.

4. Giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình do Sở Xây dựng công bố dùng số liệu khảo sát, thu thập từ các cơ quan có liên quan, các đơn vị cung ứng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và UBND các xã, phường gửi về Sở Xây dựng; các đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai, cung cấp thông tin và niêm yết.

5. Giá công bố của các loại vật liệu xây dựng và thiết bị công trình phổ biến là giá dùng để tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, không dùng để thanh quyết toán. Việc thanh quyết toán phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Chế độ báo cáo

Báo cáo định kỳ: Theo quý trước ngày 10 tháng đầu quý sau, theo tháng là trước ngày 10 tháng sau. Báo cáo đột xuất theo đề nghị của Sở Xây dựng (*trong trường hợp có biến động về giá vật liệu xây dựng*). Các cơ quan, đơn vị có liên quan gửi văn bản cung cấp thông tin về giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình hoặc thông tin liên quan đến việc khảo sát giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình xây dựng thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp đến Sở Xây dựng để tổng hợp.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

3. Trường hợp các văn bản pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

PHỤ LỤC**CÁC MẪU BẢNG TỔNG HỢP, ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ**

*(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

Biểu mẫu số 01	Báo cáo thông tin giá vật liệu xây dựng của UBND các xã, phường
Biểu mẫu số 02	Văn bản đề nghị công bố giá của các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

Biểu mẫu số 01

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-UBND

....., ngày.....tháng năm

BÁO CÁO

**V/v công bố, xác định giá vật liệu xây dựng trong quản lý chi phí
đầu tư xây dựng tháng .../... trên địa bàn**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Quyết định số/2025/QĐ-UBND ngày/...../2025 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp thực hiện khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

UBND tổng hợp, báo cáo xác định giá vật liệu xây dựng tháng/....., cụ thể như sau:

1. Về công bố giá vật liệu xây dựng công trình: Kết quả khảo sát, thu thập giá vật liệu xây dựng (*Phụ lục 1 - Mẫu số 01 Phụ lục VIII Thông tư số 11/2021/TT-BXD kèm theo*).

2. Về xác định giá vật liệu xây dựng công trình:

...

3. Tình hình hoạt động và số Doanh nghiệp hoạt động cung cấp vật liệu xây dựng tại địa phương:

...

Vậy, UBND báo cáo Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk để theo dõi, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

.....

Biểu mẫu số 01

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ, PHƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ... tháng ... năm

**BÁO CÁO THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN XÃ, PHƯỜNG ...
THÁNG: ... NĂM ...**

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày .../...../..... của UBND huyện (thị xã, thành phố)...)

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu *	Đơn vị *	Tiêu chuẩn kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá chưa bao gồm thuế GTGT*		
											Khu vực ...	Khu vực ...	Khu vực ...
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
1		Vật liệu 1											
....		...											
n		Vật liệu n											

Ghi chú:

- Những mục có dấu * là bắt buộc

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 02

**TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ GIÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày..... tháng.... năm

V/v đề nghị công bố giá sản
phẩm, hàng hóa định kỳ
tại Sở Xây dựng

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Quyết định số .../2025/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện khảo sát, công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Công ty đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa..... định kỳ tại Sở Xây dựng, với các nội dung sau:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo biểu mẫu số 03 dưới đây.

Trong đó, nội dung thông tin về giá phải nêu cụ thể là giá đến chân công trình trên địa bàn tỉnh hoặc giá đến chân công trình trên địa bàn trung tâm các huyện, thị xã, thành phố ... cụ thể hoặc giá tại địa điểm cơ sở sản xuất/kinh doanh/khai thác/điểm tập kết; thông tin giá đã có hay chưa có các chi phí về bốc xếp, vận chuyển; tăng cộng hoặc giảm trừ đối với cấu kiện có thay đổi một số chi tiết vật liệu thành phần, phụ gia (ví dụ đối với các loại cửa, bê tông thương phẩm, ...); thông tin về phí và chiết khấu (nếu có).

2. Danh sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa có đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (nếu có).

3. Thông tin khác:

- Địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp đề nghị công bố giá: ...
- Địa điểm đặt nhà máy sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố: ...
- Thông tin liên lạc của lãnh đạo Công ty và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá (họ và tên, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, số fax): ...

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /..... đến ngày ... / ... /.....

Công ty..... cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định.

Công ty..... xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Tài liệu kèm theo:

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.
2. Tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng của đơn vị đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu đề nghị công bố.
3. Nhãn hàng hóa theo quy định.
4. Tài liệu thể hiện việc duy trì kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (Ví dụ: Phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc công nhận).
5. Đối với VLXD thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, còn phải có các tài liệu sau:

- Chứng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.
- Bản công bố hợp quy của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu.
- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đối với đăng ký lần đầu: thông tin và hồ sơ kèm theo phải đầy đủ theo mẫu;
- Đối với lần đăng ký trong các tháng tiếp theo hoặc có sự thay đổi một trong các thông tin, giấy tờ pháp lý nêu trên: chỉ gửi văn bản kèm theo bảng tổng hợp giá đề nghị công bố + các loại giấy tờ pháp lý thay đổi tương ứng.
- Trường hợp không có sự thay đổi về giá vật liệu xây dựng thì sau 03 tháng phải gửi lại bảng giá (ký tên, đóng dấu mới) về Sở Xây dựng. Trường hợp sau 03 tháng các đơn vị không gửi lại bảng niêm yết giá, Sở Xây dựng xóa tên đơn vị khỏi danh sách công bố giá vật liệu xây dựng.

Biểu mẫu số 02

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày..... tháng.... năm

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã, phường

1. Mức giá niêm yết:

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu *	Đơn vị *	Tiêu chuẩn kỹ thuật *	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá chưa bao gồm thuế GTGT*		
											Khu vực ...	Khu vực ...	Khu vực ...
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
1		Vật liệu 1											
....		...											
n		Vật liệu n											

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / / đến khi có thông báo mới (hoặc đến ngày ... / ... / ..).

Ghi chú:

- Những mục có dấu * là bắt buộc.
- Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có): ...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)